

THỐNG KÊ TẦN SUẤT SỬ DỤNG PHÒNG HỌC, TRANG THIẾT BỊ NĂM HỌC 2018 - 2019

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
1	A 3 0 4	Phòng học	9	4	4	4	2.5	1440	
		Amplý	9	4	4	4	2.5	1440	
		Máy chiếu	9	4	4	4	2.5	1440	
2	A 3 0 5	Phòng học	5	1	4	4	2.5	200	
		Amplý	5	1	4	4	2.5	200	
		Máy chiếu	5	1	4	4	2.5	200	
3	A 4 0 4	Phòng học	4	3	4	3	2.5	360	
		Amplý	4	3	4	3	2.5	360	
		Máy chiếu	4	3	4	3	2.5	360	
4	A 0 3 0 1	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
5	A 0 3 0 2	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
6	A 0 4 0 1	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
7	A 0 4 0 2	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
8	A 0 4 0 3	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
9	A 0 4 0 4	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
10	A 0 4 0 5	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
11	A 0 4 0 6	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
12	A 0 4 0 7	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
13	A 0 4 0 8	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
	A 0	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
14	409	Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
15	A1401	Phòng học	5	4	4	3.5	2.5	700	
		Amplý	5	4	4	3.5	2.5	700	
		Máy chiếu	5	4	4	3.5	2.5	700	
16	A2101	Phòng học	9	4	4	4	2.5	1440	
		Amplý	9	4	4	4	2.5	1440	
		Máy chiếu	9	4	4	4	2.5	1440	
17	A2102	Phòng học	9	4	4	4	2.5	1440	
		Amplý	9	4	4	4	2.5	1440	
		Máy chiếu	9	4	4	4	2.5	1440	
18	A2103	Phòng học	9	4	4	4	2.5	1440	
		Amplý	9	4	4	4	2.5	1440	
		Máy chiếu	9	4	4	4	2.5	1440	
19	A2104	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Máy chiếu	9	7	4	4.5	2.5	2835	
20	A2201	Phòng học	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Amplý	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Máy chiếu	9	4	4	4.5	2.5	1620	
	A2202	Phòng học	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Amplý	9	4	4	4.5	2.5	1620	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
21	02	Máy chiếu	9	4	4	4.5	2.5	1620	
22	A2203	Phòng học	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Amplý	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Máy chiếu	9	4	4	4.5	2.5	1620	
23	A2204	Phòng học	9	6	4	4.5	2.5	2430	
		Amplý	9	6	4	4.5	2.5	2430	
		Máy chiếu	9	6	4	4.5	2.5	2430	
24	A2301	Phòng học	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Amplý	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Máy chiếu	9	4	4	4.5	2.5	1620	
25	A2302	Phòng học	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Amplý	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Máy chiếu	9	4	4	4.5	2.5	1620	
26	A2303	Phòng học	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Amplý	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Máy chiếu	9	4	4	4.5	2.5	1620	
27	A2304	Phòng học	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Amplý	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Máy chiếu	9	4	4	4.5	2.5	1620	
28	A2404	Phòng học	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Amplý	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Máy chiếu	9	4	4	4.5	2.5	1620	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
29	A 2 4 0 5	Phòng học	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Amplý	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Máy chiếu	9	4	4	4.5	2.5	1620	
30	A 2 4 0 6	Phòng học	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Amplý	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Máy chiếu	9	4	4	4.5	2.5	1620	
31	A 3 1 0 3	Phòng học	9	6	4	4.5	2.5	2430	
		Amplý	9	6	4	4.5	2.5	2430	
		Máy chiếu	9	6	4	4.5	2.5	2430	
32	A 3 1 0 4	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Máy chiếu	9	7	4	4.5	2.5	2835	
33	A 3 1 0 5	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Máy chiếu	9	7	4	4.5	2.5	2835	
34	A 3 2 0 1	Phòng học	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Amplý	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Máy chiếu	9	4	4	4.5	2.5	1620	
35	A 3 2 0 2	Phòng học	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Amplý	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Máy chiếu	9	4	4	4.5	2.5	1620	
	A 3	Phòng học	9	4	4	4.5	2.5	1620	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
36	203	Amplý	9	4	4	4.5	2.5	1620	
		Máy chiếu	9	4	4	4.5	2.5	1620	
37	A3204	Phòng học	9	7	4	3	2.5	1890	
		Amplý	9	7	4	3	2.5	1890	
		Máy chiếu	9	7	4	3	2.5	1890	
38	A3301	Phòng học	9	5	4	5	2.5	2250	
		Amplý	9	5	4	5	2.5	2250	
		Máy chiếu	9	5	4	5	2.5	2250	
39	A3302	Phòng học	9	5	4	5	2.5	2250	
		Amplý	9	5	4	5	2.5	2250	
		Máy chiếu	9	5	4	5	2.5	2250	
40	A3303	Phòng học	9	5	4	5	2.5	2250	
		Amplý	9	5	4	5	2.5	2250	
		Máy chiếu	9	5	4	5	2.5	2250	
41	A3304	Phòng học	9	5	4	5	2.5	2250	
		Amplý	9	5	4	5	2.5	2250	
		Máy chiếu	9	5	4	5	2.5	2250	
42	A3401	Phòng học	9	6	4	5	2.5	2700	
		Amplý	9	6	4	5	2.5	2700	
		Máy chiếu	9	6	4	5	2.5	2700	
	A3402	Phòng học	9	6	4	5	2.5	2700	
		Amplý	9	6	4	5	2.5	2700	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
43	03	Máy chiếu	9	6	4	5	2.5	2700	
44	A3404	Phòng học	9	6	4	5	2.5	2700	
		Amplý	9	6	4	5	2.5	2700	
		Máy chiếu	9	6	4	5	2.5	2700	
45	A4101	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Máy chiếu	9	7	4	4.5	2.5	2835	
46	A4102	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Máy chiếu	9	7	4	4.5	2.5	2835	
47	A4201	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Máy chiếu	9	7	4	4.5	2.5	2835	
48	A4202	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Máy chiếu	9	7	4	4.5	2.5	2835	
49	A5202	Phòng học	6	5	4	4	2.5	1200	
		Amplý	6	5	4	4	2.5	1200	
		Máy chiếu	6	5	4	4	2.5	1200	
50	A5203	Phòng học	7	7	4	4	2.5	1960	
		Amplý	7	7	4	4	2.5	1960	
		Máy chiếu	7	7	4	4	2.5	1960	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
51	A 5 3 0 1	Phòng học	8	5	4	4	2.5	1600	
		Amplý	8	5	4	4	2.5	1600	
		Máy chiếu	8	5	4	4	2.5	1600	
52	A 5 3 0 2	Phòng học	8	5	4	4	2.5	1600	
		Amplý	8	5	4	4	2.5	1600	
		Máy chiếu	8	5	4	4	2.5	1600	
53	A 5 4 0 1	Phòng học	8	5	4	4	2.5	1600	
		Amplý	8	5	4	4	2.5	1600	
		Máy chiếu	8	5	4	4	2.5	1600	
54	A 5 4 0 2	Phòng học	8	5	4	4	2.5	1600	
		Amplý	8	5	4	4	2.5	1600	
		Máy chiếu	8	5	4	4	2.5	1600	
55	A 5 4 0 3	Phòng học	8	5	4	4	2.5	1600	
		Amplý	8	5	4	4	2.5	1600	
		Máy chiếu	8	5	4	4	2.5	1600	
56	A 5 5 0 1	Phòng học	4	3	4	4	2.5	480	
		Amplý	4	3	4	4	2.5	480	
		Máy chiếu	4	3	4	4	2.5	480	
57	A 5 5 0 2	Phòng học	3	3	4	4	2.5	360	
		Amplý	3	3	4	4	2.5	360	
		Máy chiếu	3	3	4	4	2.5	360	
	A 5	Phòng học	3	4	4	4	2.5	480	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
58	503	Amplý	3	4	4	4	2.5	480	
		Máy chiếu	3	4	4	4	2.5	480	
59	B1101	Phòng học	9	7	4	5	2.5	3150	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
60	B1102	Phòng học	9	7	4	5	2.5	3150	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
61	B1103	Phòng học	9	7	4	5	2.5	3150	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
62	B1104	Phòng học	8	5	4	5	2.5	2000	
		Amplý	8	5	4	5	2.5	2000	
		Máy chiếu	8	5	4	5	2.5	2000	
63	B1105	Phòng học	8	5	4	5	2.5	2000	
		Amplý	8	5	4	5	2.5	2000	
		Máy chiếu	8	5	4	5	2.5	2000	
64	B1201	Phòng học	8	7	4	5	2.5	2800	
		Amplý	8	7	4	5	2.5	2800	
		Máy chiếu	8	7	4	5	2.5	2800	
	B1202	Phòng học	8	7	4	5	2.5	2800	
		Amplý			4		2.5	0	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
65	02	Máy chiếu	9	7	4	5	2.5	3150	
66	B1203	Phòng học	9	5	4	5	2.5	2250	
		Amplý	9	5	4	5	2.5	2250	
		Máy chiếu	9	5	4	5	2.5	2250	
67	B1204	Phòng học	9	5	4	4	2.5	1800	
		Amplý	9	5	4	4	2.5	1800	
		Máy chiếu	9	5	4	4	2.5	1800	
68	B1301	Phòng học	9	5	4	4	2.5	1800	
		Amplý	9	5	4	4	2.5	1800	
		Máy chiếu	9	5	4	4	2.5	1800	
69	B1302	Phòng học	9	5	4	4	2.5	1800	
		Amplý	9	5	4	4	2.5	1800	
		Máy chiếu	9	5	4	4	2.5	1800	
70	B1303	Phòng học	9	5	4	4	2.5	1800	
		Amplý	9	5	4	4	2.5	1800	
		Máy chiếu	9	5	4	4	2.5	1800	
71	B1304	Phòng học	9	5	4	4	2.5	1800	
		Amplý	9	5	4	4	2.5	1800	
		Máy chiếu	9	5	4	4	2.5	1800	
72	B2101	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
73	B 2 1 0 2	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Máy chiếu	9	7	4	4.5	2.5	2835	
74	B 2 1 0 4	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Máy chiếu	9	7	4	4.5	2.5	2835	
75	B 2 2 0 1	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
76	B 2 2 0 2	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Máy chiếu	9	7	4	4.5	2.5	2835	
77	B 2 2 0 3	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
78	B 2 2 0 4	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Máy chiếu	9	7	4	4.5	2.5	2835	
79	B 2 2 0 5	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Amplý	9	7	4	4.5	2.5	2835	
		Máy chiếu	9	7	4	4.5	2.5	2835	
	B 2	Phòng học	9	7	4	4.5	2.5	2835	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
80	301	Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
81	B2302	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
82	B2303	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
83	B2304	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
84	B2305	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
85	B2402	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
86	B2403	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
	B2404	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý	9	7	4	4	2.5	2520	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
87	04	Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
88	B2405	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
89	B2501	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
90	B2502	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
91	B2503	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
92	B2504	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
93	B2505	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
94	B3101	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
95	B 3 1 0 2	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
96	B 3 1 0 3	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
97	B 3 1 0 4	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
98	B 3 2 0 1	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
99	B 3 2 0 2	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
100	B 3 2 0 3	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
101	B 3 2 0 4	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
	B 3	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
102	205	Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
103	B3301	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
104	B3302	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
105	B3303	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
106	B3304	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
107	B3305	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
108	B3401	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
	B342	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý	9	7	4	4	2.5	2520	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
109	02	Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
110	B3403	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
111	B3404	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
112	B3405	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
113	B3501	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
114	B3502	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
115	B3503	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify	9	7	4	4	2.5	2520	
		Máy chiếu	9	7	4	4	2.5	2520	
116	B3504	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplify			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
117	B 3 5 0 5	Phòng học	9	7	4	4	2.5	2520	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
118	D 1 4 0 1	Phòng học	8	7	4	4	2.5	2240	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
119	D 1 4 0 2	Phòng học	8	7	4	4	2.5	2240	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
120	D 1 4 0 3	Phòng học	8	7	4	4	2.5	2240	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
121	D 1 4 0 4	Phòng học	8	7	4	4	2.5	2240	
		Amplý			4		2.5	0	
		Máy chiếu			4		2.5	0	
122	D 1 4 0 5	Phòng học	8	7	4	4	2.5	2240	
		Amplý	8	7	4	4	2.5	2240	
		Máy chiếu	8	7	4	4	2.5	2240	
123	D 1 5 0 1	Phòng học	8	7	4	4	2.5	2240	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
	D 1	Phòng học	8	7	4	4	2.5	2240	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
124	502	Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
125	D1503	Phòng học	8	7	4	4	2.5	2240	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
126	D1504	Phòng học	8	7	4	4	2.5	2240	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
127	D1505	Phòng học	8	7	4	4	2.5	2240	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
128	D3301	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
129	D3302	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amplý	8	6	4	4	2.5	1920	
		Máy chiếu	8	6	4	4	2.5	1920	
130	D3303	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amplý	8	6	4	4	2.5	1920	
		Máy chiếu	8	6	4	4	2.5	1920	
	D340	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amplý	8	6	4	4	2.5	1920	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
131	01	Máy chiếu	8	6	4	4	2.5	1920	
132	Đ 3 4 0 2	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amply	8	6	4	4	2.5	1920	
		Máy chiếu	8	6	4	4	2.5	1920	
133	Đ 3 4 0 3	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amply	8	6	4	4	2.5	1920	
		Máy chiếu	8	6	4	4	2.5	1920	
134	Đ 3 5 0 1	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amply	8	6	4	4	2.5	1920	
		Máy chiếu	8	6	4	4	2.5	1920	
135	Đ N 1 0 1	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amply	8	6	4	4	2.5	1920	
		Máy chiếu			4			0	
136	Đ N 1 0 2	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amply	8	6	4	4	2.5	1920	
		Máy chiếu			4			0	
137	Đ N 1 0 3	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amply	8	6	4	4	2.5	1920	
		Máy chiếu			4			0	
138	Đ N 1 0 4	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amply	8	6	4	4	2.5	1920	
		Máy chiếu			4			0	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
139	Đ N 2 0 1	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
140	Đ N 2 0 2	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
141	Đ N 2 0 3	Phòng học	6	6	4	4	2.5	1440	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
142	Đ N 2 0 4	Phòng học	6	6	4	4	2.5	1440	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
143	Đ N 3 0 1	Phòng học	6	6	4	4	2.5	1440	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
144	Đ N 3 0 2	Phòng học	7	6	4	4	2.5	1680	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
145	Đ N 3 0 3	Phòng học	7	6	4	4	2.5	1680	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
	Đ N	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
146	304	Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
147	Đ N 4 0 1	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
148	Đ N 4 0 2	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
149	Đ N 4 0 3	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
150	Đ N 4 0 4	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
151	Đ N 4 0 5	Phòng học	6	6	4	4	2.5	1440	
		Amplý	6	6	4	4	2.5	1440	
		Máy chiếu	6	6	4	4	2.5	1440	
152	Đ N 5 0 1	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
	Đ N 5 0	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amplý			4			0	

TT	Phòng	Trang TB	GIỜ/ NGÀY	NGÀY/ TUẦN	TUẦN/THÁNG	THÁNG/ KỲ	KỲ/ NĂM	Tổng giờ HD	Ghi chú
153	02	Máy chiếu			4			0	
154	Đ N 5 0 3	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
155	Đ N 5 0 4	Phòng học	7	6	4	4	2.5	1680	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
156	Đ N 5 0 5	Phòng học	8	6	4	4	2.5	1920	
		Amplý			4			0	
		Máy chiếu			4			0	
157	HT A	Hội trường	6.5	7	4	4	2.5	1820	

PHÒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐẦU TƯ



Trần Đình Luân

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phan Thị Thu Hiền